

CHÍNH PHỦ
Số: 27/CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 6 tháng 5 năm 1996

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Phê chuẩn Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Than Việt Nam

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp Nhà nước ngày 20 tháng 4 năm 1995;

Xét đề nghị của Hội đồng quản trị Tổng công ty Than Việt Nam,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Phê chuẩn Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Than Việt Nam kèm theo Nghị định này.

Điều 2. Nghị định này thay thế cho Nghị định số 13/CP ngày 27 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ về thành lập Tổng công ty Than Việt Nam và ban hành Điều lệ của Tổng công ty Than Việt Nam.

Nghị định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Điều lệ này.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản trị và Tổng

giám đốc Tổng công ty Than Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY THAN VIỆT NAM

(Được phê chuẩn tại Nghị định số 27/CP ngày 06 tháng 5 năm 1996 của Chính phủ)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tổng công ty Than Việt Nam (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) là Tổng công ty Nhà nước gồm các đơn vị thành viên có quan hệ mật thiết về lợi ích kinh tế, tài chính, công nghệ, cung ứng, tiêu thụ, dịch vụ, thông tin, đào tạo, nghiên cứu, tiếp thị, xuất nhập khẩu, hoạt động trong ngành than. Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập nhằm tăng cường tích tụ, tập trung, phân công chuyên môn hoá và hợp tác sản xuất để thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao, nâng cao khả năng và hiệu quả kinh doanh của các đơn vị thành viên và của toàn Tổng công ty, đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế.

Điều 2. Tổng công ty có nhiệm vụ kinh doanh than theo quy hoạch, kế hoạch và chính sách của Nhà nước; bao gồm nghiên cứu khoa học công nghệ mỏ, tìm kiếm, thăm dò, khảo sát, thiết kế, xây dựng kế hoạch phát triển, đầu tư, tạo nguồn vốn đầu tư, xây dựng, khai thác, chế biến, tàng trữ, tiếp thị, vận chuyển, lưu thông, xuất nhập khẩu, làm dịch vụ về than và các khoáng sản khác nằm trong vùng mỏ than được Nhà nước giao; sản xuất, lưu thông và xuất nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp; xuất nhập khẩu và cung ứng vật tư, thiết bị chuyên dùng cho ngành than; tiến hành các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với pháp luật, chính sách của Nhà nước.

Điều 3. Tổng công ty có:

1. Tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam;
2. Điều lệ tổ chức và hoạt động, bộ máy quản lý và điều hành;
3. Vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ trong phạm vi số vốn do Tổng công ty quản lý;
4. Con dấu và tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài;

5. Bảng cân đối tài sản, các quỹ tập trung theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 4. Tổng công ty có biểu tượng riêng; tên viết tắt là Than Việt Nam (TVN); tên giao dịch quốc tế là VIETNAM NATIONAL COAL CORPORATION, viết tắt là VINACOAL.

Trụ sở chính của Tổng công ty đặt tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Điều 5. Tổng công ty chịu sự quản lý của Nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương; đồng thời chịu sự quản lý của các cơ quan này với tư cách là cơ quan thực hiện quyền của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước và các quy định khác của pháp luật.

Điều 6. Tổng công ty được quản lý bởi Hội đồng quản trị và được điều hành bởi Tổng giám đốc.

Điều 7. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật.

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔNG CÔNG TY

MỤC 1. QUYỀN CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 8.

1. Tổng công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác của Nhà nước giao theo quy định của pháp luật để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được Nhà nước giao.

2. Tổng công ty có quyền phân giao lại cho các đơn vị thành viên quản lý, sử dụng các nguồn lực mà Tổng công ty đã nhận của Nhà nước; điều chỉnh theo hình thức tăng giảm vốn đối với những nguồn lực đã giao cho các đơn vị thành viên trong trường hợp cần thiết, phù hợp với kế hoạch phát triển chung của toàn Tổng công ty.

3. Tổng công ty có quyền đầu tư, liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.
4. Tổng công ty có quyền chuyển nhượng, thay thế, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền quản lý của Tổng công ty, trừ những thiết bị, nhà xưởng quan trọng theo quy định của Chính phủ phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép, trên nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn; đối với đất đai, tài nguyên thuộc quyền quản lý và sử dụng của Tổng công ty thì thực hiện theo pháp luật tương ứng.

Điều 9. Tổng công ty có quyền tổ chức quản lý, tổ chức kinh doanh như sau:

1. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức kinh doanh phù hợp với mục tiêu nhiệm vụ Nhà nước giao;
2. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị;
3. Đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty ở trong nước và ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;
4. Kinh doanh những ngành nghề phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ Nhà nước giao; mở rộng quy mô kinh doanh theo khả năng của Tổng công ty và nhu cầu của thị trường; kinh doanh những ngành nghề khác ngoài những ngành nghề đã đăng ký, nếu được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép;
5. Lựa chọn thị trường và thống nhất phân công thị trường giữa các đơn vị thành viên; được xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của Nhà nước;
6. Quyết định khung giá hoặc giá mua, giá bán sản phẩm và dịch vụ chủ yếu, thống nhất giá xuất khẩu tối thiểu, giá nhập khẩu tối đa, trừ những sản phẩm và dịch vụ do Nhà nước định giá;
7. Xây dựng và áp dụng các định mức lao động, đơn giá tiền lương trên đơn vị sản phẩm trong khuôn khổ các định mức, đơn giá của Nhà nước;
8. Phân cấp việc tuyển chọn, thuê mướn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng và thực hiện các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động và các quy định khác của pháp luật; quyết định mức lương, thưởng cho người lao động trên cơ sở các đơn giá tiền lương trên đơn vị sản phẩm, chi phí dịch vụ và hiệu quả hoạt động của Tổng công ty;

9. Mời và tiếp đãi tác kinh doanh nước ngoài đến làm việc với Tổng công ty ở Việt Nam. Quyết định cử người của Tổng công ty ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan khảo sát; trừ chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép. Các thành viên khác của Hội đồng quản trị ra nước ngoài do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định. Phó Tổng Giám đốc và các chức danh khác trong Tổng công ty ra nước ngoài do Tổng giám đốc quyết định.

Điều 10. Tổng công ty có quyền quản lý tài chính như sau:

1. Được sử dụng vốn và các quỹ của Tổng công ty để phục vụ kịp thời các nhu cầu kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn, có hiệu quả. Trường hợp cần sử dụng các nguồn vốn, quỹ vào mục đích khác với quy định thì phải theo nguyên tắc có hoàn trả;
2. Tự huy động vốn theo nhu cầu hoạt động kinh doanh nhưng không làm thay đổi hình thức sở hữu đối với Tổng công ty; được pháp hành trái phiếu theo quy định của pháp luật; được thế chấp giá trị quyền sử dụng đất gắn với tài sản thuộc quyền quản lý của Tổng công ty tại các Ngân hàng Việt Nam để vay vốn kinh doanh theo quy định của pháp luật;
3. Được thành lập, quản lý và sử dụng các quỹ tập trung theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; tỷ lệ trích và chế độ quản lý, sử dụng các quỹ này được quy định cụ thể trong Quy chế tài chính Tổng công ty;
4. Được sử dụng phần lợi nhuận còn lại sau khi đã làm đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, lập quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác theo quy định để chia cho người lao động theo công hiến của mỗi người vào kết quả kinh doanh trong năm và theo cổ phần (nếu có).
5. Được hưởng các chế độ trợ cấp, trợ giá hoặc các chế độ ưu đãi khác của Nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ sản xuất hoặc cung ứng dịch vụ phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, hoạt động công ích hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo chính sách giá của Nhà nước không đủ bù đắp chi phí sản xuất sản phẩm, dịch vụ của Tổng công ty;
6. Được hưởng các chế độ ưu đãi đầu tư hoặc tái đầu tư theo quy định của Nhà nước.

Điều 11. Tổng công ty có quyền từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.

MỤC 2. NGHĨA VỤ CỦA TỔNG CÔNG TY